

Phụ lục
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày _____ /7/2023 của UBND tỉnh)

PHẦN THỨ NHẤT
TỔNG QUAN CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐẮK LẮK

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk (DTI) là cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển, chuyển đổi số của tỉnh.
- Tạo điều kiện để các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi chỉ số, các tiêu chí thành phần về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; đồng thời, xây dựng các chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bộ chỉ số chuyển đổi số phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Bộ chỉ số chuyển đổi số tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Bộ chỉ số chuyển đổi số nhằm hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong quá trình áp dụng, triển khai chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị.
- Sử dụng thống nhất hệ thống phần mềm nhằm hỗ trợ, phục vụ cho việc thu thập, cập nhật số liệu và xác định các chỉ số chuyển đổi số. Đồng thời, tăng cường sự tham gia đánh giá của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn trong quá trình đánh giá chuyển đổi số.

3. Quá trình xây dựng Bộ chỉ số

- Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia góp ý kiến.
- Ngày 02/11/2022, Sở Thông tin và Truyền thông có Tờ trình số 118/TTr-STTTT đề nghị UBND tỉnh xem xét ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk để đánh giá chỉ số chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị năm 2022.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 về Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Thu thập, tổng hợp theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

- 18 sở, ban, ngành (gọi chung cấp sở):

- + Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Sở Xây dựng.
- + Sở Thông tin và Truyền thông.
- + Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- + Sở Giao thông vận tải.
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- + Sở Giáo dục và Đào tạo.
- + Sở Khoa học và Công nghệ.
- + Sở Tài chính.
- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Sở Tư pháp.
- + Sở Ngoại vụ.
- + Sở Y tế.
- + Sở Công Thương.
- + Sở Nội vụ.
- + Sở Tài nguyên và Môi trường.
- + Thanh tra tỉnh.
- + Ban Dân tộc tỉnh.

- 15 UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

II. NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ

1. Chỉ số chuyển đổi số cấp Sở

DTI cấp tỉnh gồm 02 nhóm, có 06 chỉ số chính, 41 chỉ số thành phần, thang điểm 1.000, cụ thể:

STT	Chỉ số chính (06 chỉ số chính)	Chỉ số thành phần (41 Chỉ số thành phần)	Tổng điểm (1.000)
I	Nhóm chỉ số nền tảng chung		
1	Nhận thức số	04	100
2	Thế chế số	03	100
3	Hạ tầng số	07	100
4	Nhân lực số	04	100
5	An toàn thông tin mạng	10	100
II	Nhóm chỉ số hoạt động		
6	Hoạt động chính quyền số	13	500

2. Chỉ số chuyển đổi số cấp huyện

DTI cấp huyện gồm 02 nhóm, có 08 chỉ số chính, 65 chỉ số thành phần, thang điểm 1.000, cụ thể:

STT	Chỉ số chính (08 chỉ số chính)	Chỉ số thành phần (65 Chỉ số thành phần)	Tổng điểm (1.000)
I	Nhóm chỉ số nền tảng chung		
1	Nhận thức số	06	100
2	Thế chế số	05	100
3	Hạ tầng số	11	100
4	Nhân lực số	07	100
5	An toàn thông tin mạng	11	100
II	Nhóm chỉ số hoạt động		
6	Hoạt động chính quyền số	12	200
7	Hoạt động kinh tế số	07	150
8	Hoạt động xã hội số	05	150

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nguyên tắc thực hiện đánh giá, xếp hạng

- Việc đánh giá chuyển đổi số của cơ quan nhà nước phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị tại thời điểm đánh giá.
- Cho phép cơ quan, đơn vị tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung đánh giá.

2. Phương pháp đánh giá và cho điểm

- Việc đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện bằng hình thức cho điểm đối với các nội dung đánh giá.
- Thời gian của việc đánh giá, xếp hạng được thực hiện trong cả năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước

- Việc xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện căn cứ vào số điểm của từng cơ quan để xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp.
- Thực hiện xếp hạng tổng thể chỉ số chuyển đổi số với 02 nhóm cơ quan bao gồm:

- + Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số các sở, ban, ngành.
- + Xếp hạng chỉ chuyển đổi số các UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Quá trình thu thập và xử lý số liệu

a) Thu thập số liệu

Kết quả có 15/15 UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo; 18/18 sở, ban, ngành báo cáo.

b) Đánh giá sơ bộ về số liệu thu được

Quá trình xây dựng Bộ chỉ số chuyển đổi số, có thể nói là rất công phu, nghiêm túc, nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi, trao đổi thẳng thắn, lắng nghe và tiếp thu một cách hết sức cầu thị. Việc đánh giá Chỉ số chuyển đổi số theo Quyết định số 2534/QĐ-UBND sẽ được thực hiện trên Hệ thống DTI để thay thế hình thức báo cáo bằng văn bản giấy.

Tuy nhiên, qua thẩm định kết quả báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống DTI, UBND tỉnh thấy vẫn còn phổ biến một số sai sót trong quá trình nhập liệu và tổng hợp số liệu điều tra như số liệu không hợp lý, nhập liệu chưa đúng theo yêu cầu, các số liệu ước đoán, không chính xác, tài liệu kiểm chứng chưa phù hợp theo các tiêu chí đánh giá của bộ chỉ số...

c) Công tác kiểm tra, hiệu chỉnh số liệu

Sau khi kiểm tra, phát hiện sự không hợp lý của số liệu, tài liệu kiểm chứng, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh tiến hành các công việc sau:

- Đăng nhập vào Hệ thống DTI gửi yêu cầu tới cơ quan, đơn vị (*qua địa chỉ thư công vụ*) đề nghị bổ sung, chỉnh sửa cập nhật lại các tài liệu kiểm chứng kèm theo.

- Thông qua các nguồn thông tin chính thức có thể như: Kiểm tra thực tế tại một số cơ quan, đơn vị; Các báo cáo định kỳ hằng năm của UBND các huyện, thành, thị, các sở, ban, ngành.

d) Công tác chấm điểm

- Từ ngày 11/3/2023 đến hết ngày 30/3/2023, Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá, thẩm định và cho ý kiến số liệu, tài liệu do các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp qua Hệ thống DTI.

- Từ ngày 11/4/2023 đến hết ngày 28/4/2023, các thành viên Hội đồng thẩm định (là các thành viên thuộc Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của tỉnh) thực hiện thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh số liệu.

- Từ ngày 29/4/2023 đến hết ngày 20/5/2023, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương và tham mưu UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh năm 2022.

PHẦN THỨ HAI
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
VÀ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2022

I. Chỉ số tổng hợp các Sở, ban, ngành của tỉnh

Bảng 1: Bảng điểm đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành năm 2022

STT	Đơn vị	Tổng điểm
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,81979
2	Sở Tư pháp	0,81735
3	Sở Công Thương	0,79511
4	Sở Thông tin và Truyền thông	0,78595
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	0,784
6	Sở Xây dựng	0,77915
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0,77875
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	0,77135
9	Sở Nội vụ	0,75553
10	Sở Y tế	0,74929
11	Sở Tài chính	0,74192
12	Sở Ngoại vụ	0,7299
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0,72617
14	Sở Khoa học và Công nghệ	0,72261
15	Ban Dân tộc tỉnh	0,70348
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	0,67884
17	Thanh tra tỉnh	0,67374
18	Sở Giao thông vận tải	0,64125

II. Chỉ số tổng hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố

Bảng 2: Bảng điểm đánh giá chuyển đổi số của UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022

STT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
1	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	0,82369	1
2	UBND huyện Ea H'leo	0,79303	2
3	UBND huyện Krông Pắc	0,73937	3
4	UBND huyện Krông Năng	0,72844	4
5	UBND huyện Buôn Đôn	0,66587	5
6	UBND thị xã Buôn Hồ	0,63817	6
7	UBND huyện Lắk	0,62485	7
8	UBND huyện Krông Búk	0,60537	8
9	UBND huyện Krông Ana	0,58926	9
10	UBND huyện M'Drắk	0,55264	10
11	UBND huyện Ea Kar	0,549.07	11
12	UBND huyện Cư Kuin	0,53198	12
13	UBND huyện Krông Bông	0,52774	13
14	UBND huyện Cư M'gar	0,55293	14
15	UBND huyện Ea Súp	0,52187	15

PHẦN THỨ BA

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung

- Năm 2022, là năm thứ ba tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện đánh giá Chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, nhà nước thuộc tỉnh; Do đó các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều kinh nghiệm triển khai; đặc biệt là nhận thức về vai trò, ý nghĩa của chỉ số đánh giá trong quản lý, điều hành tại cơ quan, đơn vị.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc bước đầu thực hiện triển khai hoạt động Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Thể hiện ở giá trị trung bình đạt 0,7398 điểm cấp sở và 0,62762 điểm cấp huyện.

Nhận thức, thói quen từ môi trường thực sang môi trường số từng bước được chuyển đổi và tiến trình Chuyển đổi số đã đạt được một số kết quả bước đầu. Tuy nhiên, Chuyển đổi số vẫn còn là vấn đề mới, nhận thức xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng về chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức, người dân về chuyển đổi số còn hạn chế.

2. Đối với các sở, ban, ngành

- Chỉ số Nhận thức số (100 điểm):

+ Nhóm sở, ban, ngành đạt điểm tối đa gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

+ Nhóm sở, ban, ngành đạt điểm từ 70 đến dưới 100 điểm gồm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và đầu tư, Ban Dân tộc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải.

+ Nhóm sở, ban, ngành đạt điểm từ 50 đến dưới 70 điểm gồm: Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại Vụ, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chỉ số Thẻ chế số (100 điểm):

+ Nhóm sở, ban, ngành đạt điểm tối đa gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương binh, Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Ban Dân tộc tỉnh.

+ Nhóm sở, ban, ngành đạt 60 điểm gồm: Sở Giáo Dục và Đào Tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh.

- Chỉ số Hạ tầng số, Nhân lực số, An toàn, An ninh mạng (100 điểm): Năm 2022, không có sở, ban, ngành đạt điểm tối đa. Hiện nay nguồn nhân lực cho chuyển đổi số sở, ban, ngành của tỉnh chưa đáp ứng được cả nhu cầu về số lượng, chất lượng. Hạ tầng số và công tác bảo đảm an toàn an ninh mạng tại sở, ban, ngành chưa được đầu tư, hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra.

- Chỉ số Hoạt động Chính quyền số (500 điểm):

Các sở, ban, ngành của tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác chuyển đổi số và sự cố gắng, nỗ lực các cấp, các ngành trong công tác chuyển đổi số. Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý cho chuyển đổi số đã được các sở, ban, ngành quan tâm và đạt được kết quả tích cực. Điển hình là 100% các sở, ban, ngành của tỉnh đã ban hành các Chương trình thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch giai đoạn và năm về Chuyển đổi số. Năm 2022 các sở, ban, ngành của tỉnh đạt từ 200 điểm đến 300 điểm đối với chỉ số Chính quyền số.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ số Nhận thức số (100 điểm):

+ Nhóm UBND huyện đạt điểm tối đa: UBND thành phố Buôn Ma thuật.

+ Nhóm UBND huyện có số điểm từ 90 điểm đến dưới 100 điểm gồm: UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Ea Kar, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Buôn Đôn, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Lắk, UBND huyện Krông Bông.

+ Nhóm UBND huyện đạt dưới 90 điểm gồm: UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Ea Súp, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện M'Drắk.

- Chỉ số Thể chế số (100 điểm):

+ Nhóm UBND huyện đạt điểm tối đa gồm: UBND thành Phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Lắk.

+ Nhóm UBND huyện đạt từ 60 điểm đến 80 điểm gồm: UBND huyện Krông Năng, UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện M'Drắk, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Buôn Đôn, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Ea Kar, UBND huyện Cư Kuin.

+ Nhóm UBND huyện đạt dưới 50 điểm gồm: UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Ea Súp.

- Chỉ số Hạ tầng số, Nhân lực số, An toàn, An ninh mạng (100 điểm): Hiện nay nguồn nhân lực cho chuyển đổi số của cấp huyện chưa đáp ứng được cả nhu cầu về số lượng, chất lượng. Hạ tầng số và công tác bảo đảm an toàn an ninh mạng tại các huyện chưa được đầu tư, hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra.

- Chỉ số Hoạt động Chính quyền số (200 điểm):

+ Nhóm UBND huyện đạt 100 điểm đến 150 điểm gồm: UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Buôn Đôn, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện M'Drắk, UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Krông Búk.

+ Nhóm UBND huyện đạt từ 70 điểm đến dưới 100 điểm gồm: UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Ea Kar, UBND huyện Ea H'leo, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Lắk, UBND huyện Ea Súp.

- Chỉ số Kinh tế số (150 điểm):

+ Nhóm UBND huyện đạt 100 điểm đến 150 điểm gồm: UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Buôn Đôn, UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Ea H'leo.

+ Nhóm UBND huyện đạt 50 điểm đến dưới 100 điểm gồm: UBND huyện Ea Súp, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện M'Drắk, UBND huyện Lắk.

+ Nhóm UBND huyện đạt dưới 50 điểm gồm: UBND huyện Ea Kar, UBND huyện Cư M'gar, UBND huyện Cư Kuin, UBND thị xã Buôn Hồ.

- Chỉ số Xã hội số (150 điểm):

+ Nhóm UBND huyện đạt điểm từ 90 điểm đến 100 điểm gồm: UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND huyện Krông Ana, UBND huyện Krông Pắc, UBND huyện Krông Năng, UBND huyện Lắk, UBND huyện Ea H'Leo.

+ Nhóm UBND huyện đạt 50 điểm đến dưới 90 điểm gồm: UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Ea Kar, UBND huyện M'Drắk, UBND huyện Ea Súp, UBND thị xã Buôn Hồ, UBND huyện Krông Búk.

+ Nhóm UBND huyện đạt từ 10 điểm đến 30 điểm gồm: UBND huyện Buôn Đôn, UBND huyện Krông Bông, UBND huyện Cư M'gar.

II. KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai xác định chỉ số đánh giá chuyển đổi số các năm tiếp theo được tốt hơn, phát huy vai trò tích cực của chỉ số chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; UBND tỉnh yêu cầu Thủ tướng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành việc triển khai Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án

“Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2023; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh về bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2023; Kế hoạch số 10/KHBCĐCĐS ngày 19/01/2023 của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh năm 2023

2. Tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả chỉ số chuyển đổi số năm 2022 trong phạm vi đơn vị mình để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và xác định Chỉ số chuyển đổi số. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả đánh giá chuyển đổi số năm 2022 để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc trong việc cải thiện nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết để phát huy những tiêu chí có điểm số cao, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những tiêu chí đạt điểm thấp.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Đắk Lắk; nâng cao hiệu quả hiệu lực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp./.